

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/DS-PT

Ngày 18-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hoài Thanh

Bà Hồ Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS- ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn P; vắng mặt.

2. Bà Từ Thị Mỹ T; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Bà Từ Thị Mỹ T, Ông Bùi Văn P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2015, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 17/02/2012 bà cho bà T vay 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vài ngày trả. Sau đó bà T có vay thêm 12.000.000 đồng nhưng không trả. Tại Công an xã B, vợ chồng bà T, ông P thống nhất giao ngôi nhà tại Thôn T, xã B với giá 550.000.000 đồng cho 15 chủ nợ để bán và chia nhau theo tỷ lệ nợ do bà Tuyết đại diện nhận và thanh toán cho 15 chủ nợ. Tuy nhiên, việc bán nhà chỉ còn 495.000.000 đồng, bị lỗ nên mỗi chủ nợ phải chịu tương ứng với tỷ lệ tiền nợ, bà nhận được 99.000.000 đồng, phần bị lỗ là 7.000.000 đồng nên vợ chồng bà T, ông P còn nợ của bà số tiền 106.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông P, bà T phải trả cho bà số nợ 106.000.000 đồng một lần và tiền lãi từ ngày 03/6/2015 đến nay theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vợ chồng Bà Từ Thị Mỹ T, Ông Bùi Văn P trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà T về thời gian vay, số tiền vay, lãi suất và việc đã trả cho 15 chủ nợ 150.000.000 và 01 ngôi nhà tại thôn T, xã B với giá 550.000.000 đồng là đúng. Năm 2013, 2014 vợ chồng bà giao cho bà Tuyết đại diện nhận 72.000.000 đồng, năm 2015 giao cho bà Huỳnh Thị Ánh Triều đại diện nhận 20.000.000 đồng để phân chia trả cho các chủ nợ.

Nay không đồng ý vì số tiền vợ chồng bà nợ bà T không phải là 106.000.000 đồng nhưng còn nợ bao nhiêu thì vợ chồng bà không rõ, hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế nên chỉ đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả lãi và xin được trả dần.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Buộc ông P, bà T trả cho bà T 127.226.500 đồng, trong đó tiền gốc 106.000.000 đồng và tiền lãi 21.226.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/8/2017, bị đơn ông P, bà T kháng cáo xin trả 106.000.000 đồng với cách trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo ông P, bà T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm buộc vợ chồng ông P, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T 127.226.500 đồng (trong đó tiền gốc 106.000.000 đồng và tiền lãi 21.226.500 đồng) là có căn cứ đúng quy định tại các Điều 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Quyết định số

2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Bồi lẽ: Các bên đương sự đều thống nhất số nợ khi vay 212.000.000 đồng, sau đó ông P, bà T giao nhà cho 15 chủ nợ bán trừ nợ, còn lại 106.000.000 đồng ông P, bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng trong 3 năm nhưng không trả nên bà T có quyền yêu cầu ông P, bà T trả nợ gốc và tiền lãi. Do đó, không chấp nhận kháng cáo ông P, bà T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì ông P, bà T phải chịu 6.361.325 đồng (127.226.500 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của ông P, bà T không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì ông P, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo ông P, bà T giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn P, bà Từ Thị Mỹ T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc vợ chồng ông Bùi Văn P, bà Từ Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Bà Nguyễn Thị T 127.226.500 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

2.1. Ông Bùi Văn P, bà Từ Thị Mỹ T phải chịu 6.361.325 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm hai mươi năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí án dân sự sơ thẩm đã nộp 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi năm đồng) theo biên lai thu số số 00657 ngày 09/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

2.3. Ông Bùi Văn P, bà Từ Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0003231 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; ông P, bà T đã nộp xong.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường